

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 6 năm 2026

DANH SÁCH THÍ SINH
THAM GIA SÁT HẠCH TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN NGÀY 18 THÁNG 6 NĂM 2026

Stt	Họ và tên	BÀN VÁN ĐÁP	Số phiếu báo danh	Thời gian triệu tập	Ngày, tháng, năm sinh	Căn cước công dân	Chức danh nghề nghiệp Mã CDNN	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Lư Tấn Khôi Anh	S01	S01.01	07 giờ 00 phút	23/09/1994	079 094 039 900	Bác sĩ (hạng III)	
2	Võ Duy Bằng	S01	S01.02	07 giờ 00 phút	27/01/1995	064 095 000 055	Bác sĩ (hạng III)	
3	Đặng Phước Bảo	S01	S01.03	07 giờ 00 phút	30/09/1997	048 097 000 394	Bác sĩ (hạng III)	
4	Vũ Thế Bình	S01	S01.04	07 giờ 00 phút	10/12/1994	079 094 030 315	Bác sĩ (hạng III)	
5	Phạm Thị Bảo Châu	S01	S01.05	07 giờ 00 phút	13/07/1994	080 194 000 339	Bác sĩ (hạng III)	
6	Dương Phan Ngọc Diệp	S01	S01.06	07 giờ 00 phút	30/04/1996	089 196 007 253	Bác sĩ (hạng III)	
7	Nguyễn Thị Phương Duyên	S01	S01.07	07 giờ 00 phút	27/06/1996	066 196 001 707	Bác sĩ (hạng III)	
8	Phạm Thị Hương Giang	S01	S01.08	09 giờ 00 phút	10/12/1993	001 193 027 186	Bác sĩ (hạng III)	
9	Lê Thị Ngọc Hà	S01	S01.09	09 giờ 00 phút	28/11/1992	038 192 009 083	Bác sĩ (hạng III)	
10	Trang Vĩ Hùng	S01	S01.10	09 giờ 00 phút	07/01/1998	079 098 015 933	Bác sĩ (hạng III)	



Stt	Họ và tên	BÀN VÁN ĐÁP	Số phiếu báo danh	Thời gian triệu tập	Ngày, tháng, năm sinh	Căn cước công dân	Chức danh nghề nghiệp Mã CDNN	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
11	Lương Thị Mai Hương	S01	S01.11	09 giờ 00 phút	23/04/1995	066 195 020 169	Bác sĩ (hạng III)	
12	Hà Thị Thu Huyền	S01	S01.12	09 giờ 00 phút	23/03/1988	004 188 002 444	Bác sĩ (hạng III)	
13	Huỳnh Từ Lê Khanh	S01	S01.13	09 giờ 45 phút	06/01/1995	060 095 004 459	Bác sĩ (hạng III)	
14	Nguyễn Khánh Linh	S01	S01.14	09 giờ 45 phút	02/07/1996	031 096 019 596	Bác sĩ (hạng III)	
15	Phạm Thị Mỹ Linh	S01	S01.15	09 giờ 45 phút	09/09/1993	092 193 004 623	Bác sĩ (hạng III)	
16	Huỳnh Gia Lộc	S01	S01.16	09 giờ 45 phút	31/12/2001	072 201 001 181	Bác sĩ (hạng III)	
17	Võ Tấn Lực	S01	S01.17	09 giờ 45 phút	31/05/1991	058 091 006 385	Bác sĩ (hạng III)	
18	Doãn Thị Ly	S01	S01.18	10 giờ 45 phút	14/03/1995	049 195 000 174	Bác sĩ (hạng III)	
19	Trần Hồ Khánh Ly	S01	S01.19	10 giờ 45 phút	22/08/1988	054 188 005 389	Bác sĩ (hạng III)	
20	Phạm Ngọc Minh	S01	S01.20	10 giờ 45 phút	19/09/1994	056 194 011 113	Bác sĩ (hạng III)	
21	Đỗ Hải An	S02	S02.01	07 giờ 00 phút	27/05/1990	060 090 007 910	Bác sĩ (hạng III)	
22	Võ Thành An	S02	S02.02	07 giờ 00 phút	05/08/1998	079 098 015 475	Bác sĩ (hạng III)	
23	Hà Tú Duy	S02	S02.03	07 giờ 00 phút	20/02/1992	079 092 013 512	Bác sĩ (hạng III)	
24	Nguyễn Đoàn Công Thành	S02	S02.04	07 giờ 00 phút	02/08/1996	079 096 013 323	Bác sĩ (hạng III)	

Stt	Họ và tên	BẢN VẤN ĐÁP	Số phiếu báo danh	Thời gian triệu tập	Ngày, tháng, năm sinh	Căn cước công dân	Chức danh nghề nghiệp Mã CDNN	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
25	Trần Trung Tú	S02	S02.05	07 giờ 00 phút	05/09/1992	001 092 036 351	Bác sĩ (hạng III)	
26	Trần Thị Lê Duyên	S02	S02.06	07 giờ 00 phút	11/07/1997	082 197 010 407	Điều dưỡng hạng III	
27	Phạm Thị Thanh Hằng	S02	S02.07	07 giờ 00 phút	14/11/2000	079 300 034 254	Điều dưỡng hạng III	
28	Đông Thị Tôn Hiền	S02	S02.08	09 giờ 00 phút	27/10/1991	083 191 013 631	Điều dưỡng hạng III	
29	Võ Thị Ngọc Lài	S02	S02.09	09 giờ 00 phút	17/01/1994	079 194 032 094	Điều dưỡng hạng III	
30	Trần Ngọc Tuyết Mai	S02	S02.10	09 giờ 00 phút	09/01/2000	082 300 007 383	Điều dưỡng hạng III	
31	Nguyễn Thị Hoài Phương	S02	S02.11	09 giờ 00 phút	26/03/1991	051 191 000 013	Điều dưỡng hạng III	
32	Nguyễn Thị Minh Thư	S02	S02.12	09 giờ 00 phút	25/02/1997	086 197 006 731	Điều dưỡng hạng III	
33	Trần Thị Tiểu Thúy	S02	S02.13	09 giờ 45 phút	30/12/1997	086 197 004 514	Điều dưỡng hạng III	
34	Lê Thị Cẩm	S02	S02.14	09 giờ 45 phút	30/08/2003	082 303 017 059	Điều dưỡng hạng III	
35	Ngô Thị Hồng Gấm	S02	S02.15	09 giờ 45 phút	28/03/1998	049 198 006 938	Điều dưỡng hạng III	
36	Trần Thị Thúy Huỳnh	S02	S02.16	09 giờ 45 phút	26/06/2000	083 300 002 953	Điều dưỡng hạng III	
37	Trần Phương Khánh	S02	S02.17	09 giờ 45 phút	28/11/2000	080 300 003 013	Điều dưỡng hạng III	
38	Huỳnh Thị Thúy Liễu	S02	S02.18	10 giờ 45 phút	15/01/2001	051 301 002 759	Điều dưỡng hạng III	



Stt	Họ và tên	BÀN VẤN ĐÁP	Số phiếu báo danh	Thời gian triệu tập	Ngày, tháng, năm sinh	Căn cước công dân	Chức danh nghề nghiệp Mã CDNN	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
39	Nguyễn Tấn Tài	S02	S02.19	10 giờ 45 phút	14/02/2001	056 201 002 775	Điều dưỡng hạng III	
40	Hà Yến Thu	S02	S02.20	10 giờ 45 phút	01/12/1997	079 197 023 663	Điều dưỡng hạng III	
41	Ngô Anh Thư	S02	S02.21	10 giờ 45 phút	16/03/2000	052 300 005 485	Điều dưỡng hạng III	
42	Phạm Thị Thanh Trúc	S02	S02.22	10 giờ 45 phút	12/10/1979	086 179 001 677	Điều dưỡng hạng III	
43	Phan Trần Minh Tuyền	S02	S02.23	10 giờ 45 phút	22/03/1999	079 199 003 337	Điều dưỡng hạng III	
44	Hoàng Thị Mỹ Vi	S02	S02.24	10 giờ 45 phút	24/07/2002	064 302 016 699	Điều dưỡng hạng III	
45	Lý Vân Anh	S03	S03.01	07 giờ 00 phút	31/08/1995	079 195 007 914	Bác sĩ (hạng III)	
46	Hà Duy Bình	S03	S03.02	07 giờ 00 phút	09/12/1994	096 094 003 343	Bác sĩ (hạng III)	
47	Nguyễn Lê Thu Cúc	S03	S03.03	07 giờ 00 phút	12/09/1989	079 189 033 139	Bác sĩ (hạng III)	
48	Lê Anh Ngọc Hạnh	S03	S03.04	07 giờ 00 phút	10/02/1993	075 193 000 619	Bác sĩ (hạng III)	
49	Võ Thị Phương Hiếu	S03	S03.05	07 giờ 00 phút	16/08/1996	072 196 003 374	Bác sĩ (hạng III)	
50	Phạm Thị Hương	S03	S03.06	07 giờ 00 phút	10/01/1994	067 194 000 018	Bác sĩ (hạng III)	
51	Lộc Thị Hường	S03	S03.07	07 giờ 00 phút	05/08/1995	020 195 010 625	Bác sĩ (hạng III)	
52	Trần Thị Loan Nhi	S03	S03.08	09 giờ 00 phút	29/10/1995	075 195 015 575	Bác sĩ (hạng III)	

Stt	Họ và tên	BẢN VẤN ĐÁP	Số phiếu báo danh	Thời gian triệu tập	Ngày, tháng, năm sinh	Căn cước công dân	Chức danh nghề nghiệp Mã CDNN	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
53	Lê Châu Khánh Như	S03	S03.09	09 giờ 00 phút	17/01/1997	079 197 022 771	Bác sĩ (hạng III)	
54	Đậu Ngọc Hà Phương	S03	S03.10	09 giờ 00 phút	19/12/1992	060 192 016 084	Bác sĩ (hạng III)	
55	Hồ Tấn Quốc	S03	S03.11	09 giờ 00 phút	27/07/1994	052 094 017 690	Bác sĩ (hạng III)	
56	Thái Thị Mai Sâm	S03	S03.12	09 giờ 00 phút	29/03/1993	067 193 003 584	Bác sĩ (hạng III)	
57	Võ Thanh Sương	S03	S03.13	09 giờ 45 phút	13/11/1994	051 194 005 103	Bác sĩ (hạng III)	
58	Phan Thị Thân	S03	S03.14	09 giờ 45 phút	06/12/1992	067 192 003 485	Bác sĩ (hạng III)	
59	Hồ Văn Thành	S03	S03.15	09 giờ 45 phút	10/01/1990	046 090 000 020	Bác sĩ (hạng III)	
60	Nguyễn Đăng Thịnh	S03	S03.16	09 giờ 45 phút	13/02/1997	031 097 015 206	Bác sĩ (hạng III)	
61	Nguyễn Đức Toàn	S03	S03.17	09 giờ 45 phút	27/07/1997	079 097 019 299	Bác sĩ (hạng III)	
62	Lê Thị Bảo Trâm	S03	S03.18	10 giờ 45 phút	29/04/1997	040 197 007 022	Bác sĩ (hạng III)	
63	Lê Thành Trung	S03	S03.19	10 giờ 45 phút	25/11/1993	089 093 020 073	Bác sĩ (hạng III)	
64	Huỳnh Đỗ Phương Uyên	S03	S03.20	10 giờ 45 phút	05/01/1998	079 198 010 601	Bác sĩ (hạng III)	
65	Võ Thị Kim Chi	S03	S03.21	10 giờ 45 phút	05/01/2002	049 302 012 405	Kỹ thuật Y hạng III	
66	Võ Công Quang	S03	S03.22	10 giờ 45 phút	15/03/1992	083 092 008 693	Kỹ thuật y hạng III	



Stt	Họ và tên	BẢN VẤN ĐÁP	Số phiếu báo danh	Thời gian triệu tập	Ngày, tháng, năm sinh	Căn cước công dân	Chức danh nghề nghiệp Mã CDNN	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
67	Lê Quốc Đạt	S04	S04.01	07 giờ 00 phút	24/12/1996	079 096 027 595	Dược hạng IV	
68	Trần Hoài Dung	S04	S04.02	07 giờ 00 phút	30/08/1996	079 196 029 897	Dược hạng IV	
69	Phạm Nguyễn Minh Duy	S04	S04.03	07 giờ 00 phút	12/11/1995	086 095 002 156	Dược hạng IV	
70	Trần Hoàng Huy	S04	S04.04	07 giờ 00 phút	21/04/1993	074 093 001 361	Dược hạng IV	
71	Phạm Thị Lan	S04	S04.05	07 giờ 00 phút	10/09/1999	037 199 006 117	Dược hạng IV	
72	Lê Huỳnh Nga	S04	S04.06	07 giờ 00 phút	28/05/1996	075 196 019 835	Dược hạng IV	
73	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	S04	S04.07	07 giờ 00 phút	30/05/1995	079 195 036 106	Dược hạng IV	
74	Cao Thị Thùy Nhung	S04	S04.08	09 giờ 00 phút	20/12/1994	079 194 000 805	Dược hạng IV	
75	Nguyễn Lê Hồng Phúc	S04	S04.09	09 giờ 00 phút	23/05/1992	079 192 030 663	Dược hạng IV	
76	Đoàn Minh Phương	S04	S04.10	09 giờ 00 phút	24/12/1997	068 197 007 476	Dược hạng IV	
77	Trần Thị Cẩm Thạch	S04	S04.11	09 giờ 00 phút	07/03/1991	068 191 009 667	Dược hạng IV	
78	Huỳnh Duy Thảo	S04	S04.12	09 giờ 00 phút	29/03/1999	095 199 000 200	Dược hạng IV	
79	Nguyễn Hồng Thi	S04	S04.13	09 giờ 45 phút	28/11/1998	080 098 011 604	Dược hạng IV	
80	Lê Hoàng Thịnh	S04	S04.14	09 giờ 45 phút	15/07/1995	083 095 006 061	Dược hạng IV	

Stt	Họ và tên	BÀN VẤN ĐÁP	Số phiếu báo danh	Thời gian triệu tập	Ngày, tháng, năm sinh	Căn cước công dân	Chức danh nghề nghiệp Mã CDNN	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
81	Nguyễn Thị Anh Thư	S04	S04.15	09 giờ 45 phút	15/11/2004	080 304 004 089	Dược hạng IV	
82	Nguyễn Thị Kim Thư	S04	S04.16	09 giờ 45 phút	11/01/1980	079 180 017 659	Dược hạng IV	
83	Nguyễn Thị Ngọc Trúc	S04	S04.17	09 giờ 45 phút	17/12/1992	079 192 018 730	Dược hạng IV	
84	Nguyễn Thị Ngọc Tuyền	S04	S04.18	10 giờ 45 phút	03/11/1994	083 194 000 869	Dược hạng IV	
85	Phạm Thúy Duy	S05	S05.01	07 giờ 00 phút	19/04/2003	079 303 027 923	Hộ sinh hạng III	
86	Trần Thị Thanh Hoa	S05	S05.02	07 giờ 00 phút	08/01/2003	036 303 003 882	Hộ sinh hạng III	
87	Nguyễn Ngọc Hồng	S05	S05.03	07 giờ 00 phút	10/03/2003	082 303 015 020	Hộ sinh hạng III	
88	Trương Như Huỳnh	S05	S05.04	07 giờ 00 phút	01/05/2003	080 303 013 386	Hộ sinh hạng III	
89	Võ Thị Ly	S05	S05.05	07 giờ 00 phút	08/05/2002	045 302 005 411	Hộ sinh hạng III	
90	Huỳnh Mộng Nghi	S05	S05.06	07 giờ 00 phút	26/10/2003	096 303 010 363	Hộ sinh hạng III	
91	Trần Nguyễn Anh Thư	S05	S05.07	07 giờ 00 phút	27/02/2003	082 303 007 567	Hộ sinh hạng III	
92	Nguyễn Thị Anh Thư	S05	S05.08	09 giờ 00 phút	09/11/2003	038 303 024 858	Hộ sinh hạng III	
93	Nguyễn Hồng Hào	S05	S05.09	09 giờ 00 phút	16/07/2001	079 201 006 591	Kỹ sư (hạng III)	
94	Hoàng Lan Phương	S05	S05.10	09 giờ 00 phút	14/01/1998	045 198 001 923	Kỹ sư (hạng III)	



Stt	Họ và tên	BÀN VẤN ĐÁP	Số phiếu báo danh	Thời gian triệu tập	Ngày, tháng, năm sinh	Căn cước công dân	Chức danh nghề nghiệp Mã CDNN	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
95	Nguyễn Ngọc Phương Thùy	S05	S05.11	09 giờ 00 phút	19/09/2000	079 300 019 965	Kỹ sư (hạng III)	
96	Huỳnh Thanh Phong	S05	S05.12	09 giờ 00 phút	29/12/2002	079 202 019 482	Kỹ sư (hạng III)	
97	Vũ Thị Ngọc Thủy	S05	S05.13	09 giờ 45 phút	22/06/1985	079 185 023 233	Kỹ sư (hạng III)	
98	Ngô Hiếu Ân	S06	S06.01	07 giờ 00 phút	20/12/2002	079 202 014 136	Chuyên viên	
99	Lê Văn Điều	S06	S06.02	07 giờ 00 phút	01/01/1979	084 079 006 945	Chuyên viên	
100	Nguyễn Thị Thùy Dung	S06	S06.03	07 giờ 00 phút	22/12/1998	079 198 006 384	Chuyên viên	
101	Phùng Thị Bích Loan	S06	S06.04	07 giờ 00 phút	22/11/1989	079 189 013 904	Chuyên viên	
102	Nguyễn Huỳnh Hạ Mỹ	S06	S06.05	07 giờ 00 phút	08/10/2002	082 302 000 757	Chuyên viên	
103	Phạm Thị Phương Thảo	S06	S06.06	07 giờ 00 phút	21/12/2000	079 300 025 596	Chuyên viên	
104	Huỳnh Ngọc Thảo	S06	S06.07	07 giờ 00 phút	31/07/2002	079 302 010 235	Chuyên viên	
105	Nguyễn Phương Thảo	S06	S06.08	09 giờ 00 phút	24/11/2000	079 300 002 621	Chuyên viên	
106	Võ Thanh Tính	S06	S06.09	09 giờ 00 phút	10/01/1996	079 096 030 866	Chuyên viên	
107	Lê Nguyễn Hải Triều	S06	S06.10	09 giờ 00 phút	01/01/1994	079 194 029 046	Chuyên viên	
108	Dương Hoàng Vũ	S06	S06.11	09 giờ 00 phút	26/09/1991	079 091 022 705	Chuyên viên	

Stt	Họ và tên	BÀN VẤN ĐÁP	Số phiếu báo danh	Thời gian triệu tập	Ngày, tháng, năm sinh	Căn cước công dân	Chức danh nghề nghiệp Mã CDNN	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
109	Nguyễn Thị Ngọc Hân	S06	S06.12	09 giờ 00 phút	21/02/1988	091 188 001 140	Chuyên viên	
110	Hoàng Thu Phương	S06	S06.13	09 giờ 45 phút	10/04/2002	052 302 010 258	Chuyên viên	
111	Hoàng Nhật Thắng	S06	S06.14	09 giờ 45 phút	17/11/1991	079 091 035 007	Chuyên viên	
112	Hồng Thuận	S06	S06.15	09 giờ 45 phút	22/05/1990	079 190 014 187	Chuyên viên	
113	Bùi Minh Tuấn	S06	S06.16	09 giờ 45 phút	01/01/1998	079 098 007 664	Chuyên viên	
114	Nguyễn Hạ Thi Mơ	C01	C01.01	12 giờ 30 phút	17/05/1994	083 194 000 760	Bác sĩ (hạng III)	
115	Phan Bảo Ngọc	C01	C01.02	12 giờ 30 phút	05/11/1998	079 098 012 216	Bác sĩ (hạng III)	
116	Phan Thị Tuyết Nhi	C01	C01.03	12 giờ 30 phút	27/02/1999	075 199 009 659	Bác sĩ (hạng III)	
117	Vũ Thị Hồng Nhung	C01	C01.04	12 giờ 30 phút	18/10/1998	077 198 006 114	Bác sĩ (hạng III)	
118	Nguyễn Thị Kim Oanh	C01	C01.05	12 giờ 30 phút	14/12/1996	066 196 016 028	Bác sĩ (hạng III)	
119	Tống Thị Mỹ Phụng	C01	C01.06	13 giờ 45 phút	20/03/1992	082 192 008 375	Bác sĩ (hạng III)	
120	Đậu Thị Thùy Quyên	C01	C01.07	13 giờ 45 phút	04/07/1992	068 192 000 122	Bác sĩ (hạng III)	
121	Quách Thị Minh Tâm	C01	C01.08	13 giờ 45 phút	14/04/1989	079 189 037 793	Bác sĩ (hạng III)	
122	Hồ Trần Hồng Thanh	C01	C01.09	13 giờ 45 phút	24/08/1992	072 192 012 601	Bác sĩ (hạng III)	

Stt	Họ và tên	BÀN VẤN ĐÁP	Số phiếu báo đanh	Thời gian triệu tập	Ngày, tháng, năm sinh	Căn cước công dân	Chức danh nghề nghiệp Mã CDNN	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
123	Nguyễn Thanh Thảo	C01	C01.10	13 giờ 45 phút	04/11/1998	079 198 008 646	Bác sĩ (hạng III)	
124	Hà Hiếu Thảo	C01	C01.11	14 giờ 45 phút	13/10/1993	079 093 002 937	Bác sĩ (hạng III)	
125	Lương Trần Minh Thi	C01	C01.12	14 giờ 45 phút	02/12/1996	079 196 023 437	Bác sĩ (hạng III)	
126	Trịnh Ngọc Hà Thư	C01	C01.13	14 giờ 45 phút	18/10/1993	082 193 004 672	Bác sĩ (hạng III)	
127	Võ Việt Tín	C01	C01.14	14 giờ 45 phút	01/01/1998	082 098 008 076	Bác sĩ (hạng III)	
128	Nguyễn Thị Toàn	C01	C01.15	14 giờ 45 phút	08/06/1998	042 198 012 811	Bác sĩ (hạng III)	
129	Nguyễn Phượng Trân	C01	C01.16	15 giờ 45 phút	01/01/1994	079 194 030 965	Bác sĩ (hạng III)	
130	Phạm Thị Lan Trang	C01	C01.17	15 giờ 45 phút	25/06/1993	036 193 001 334	Bác sĩ (hạng III)	
131	Dương Bùi Phương Trinh	C01	C01.18	15 giờ 45 phút	23/12/1997	094 197 006 802	Bác sĩ (hạng III)	
132	Võ Thanh Trúc	C01	C01.19	15 giờ 45 phút	13/04/1993	079 193 000 266	Bác sĩ (hạng III)	
133	Trương Duy Tùng	C01	C01.20	15 giờ 45 phút	18/06/1992	075 092 015 596	Bác sĩ (hạng III)	
134	Giang Trịnh Tú Vân	C01	C01.21	15 giờ 45 phút	13/06/1992	062 192 000 029	Bác sĩ (hạng III)	
135	Nguyễn Cao Vân	C01	C01.22	15 giờ 45 phút	12/08/1995	079 195 010 157	Bác sĩ (hạng III)	
136	Tăng Thị Ngọc Vân	C01	C01.23	15 giờ 45 phút	19/08/1982	094 182 014 787	Bác sĩ (hạng III)	

Stt	Họ và tên	BẢN VẤN ĐÁP	Số phiếu báo danh	Thời gian triệu tập	Ngày, tháng, năm sinh	Căn cước công dân	Chức danh nghề nghiệp Mã CDNN	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
137	Lâm Hà Anh	C02	C02.01	12 giờ 30 phút	19/02/1999	072 199 007 131	Dược sĩ (hạng III)	
138	Trịnh Thị Vân Anh	C02	C02.02	12 giờ 30 phút	31/01/2002	075 302 019 172	Dược sĩ (hạng III)	
139	Nguyễn Thùy Lan Anh	C02	C02.03	12 giờ 30 phút	06/01/2000	075 300 018 631	Dược sĩ (hạng III)	
140	Trần Thị Huệ Bích	C02	C02.04	12 giờ 30 phút	19/01/1992	093 192 000 706	Dược sĩ (hạng III)	
141	Nguyễn Duy Dung	C02	C02.05	12 giờ 30 phút	09/05/1982	092 182 004 974	Dược sĩ (hạng III)	
142	Võ Thùy Dương	C02	C02.06	13 giờ 45 phút	21/05/2002	079 302 014 067	Dược sĩ (hạng III)	
143	Trần Thị Thu Hiền	C02	C02.07	13 giờ 45 phút	08/05/1985	091 185 000 581	Dược sĩ (hạng III)	
144	Phùng Lê Cẩm Hồng	C02	C02.08	13 giờ 45 phút	09/12/1997	082 197 000 044	Dược sĩ (hạng III)	
145	Huỳnh Thị Như Hương	C02	C02.09	13 giờ 45 phút	06/08/2002	066 302 009 879	Dược sĩ (hạng III)	
146	Phạm Thị Yến Khoa	C02	C02.10	13 giờ 45 phút	15/01/2001	082 301 009 704	Dược sĩ (hạng III)	
147	Lại Đặng Kiều Ly	C02	C02.11	14 giờ 45 phút	10/11/2002	075 302 005 865	Dược sĩ (hạng III)	
148	Nguyễn Thị Nga	C02	C02.12	14 giờ 45 phút	16/04/1999	079 199 010 228	Dược sĩ (hạng III)	
149	Lê Thị Phương Ngân	C02	C02.13	14 giờ 45 phút	03/08/1999	082 199 003 763	Dược sĩ (hạng III)	
150	Đặng Thị Kim Ngân	C02	C02.14	14 giờ 45 phút	24/11/1994	083 194 011 168	Dược sĩ (hạng III)	



Stt	Họ và tên	BÀN VẤN ĐÁP	Số phiếu báo danh	Thời gian triệu tập	Ngày, tháng, năm sinh	Căn cước công dân	Chức danh nghề nghiệp Mã CDNN	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
151	Phan Thị Ngân	C02	C02.15	14 giờ 45 phút	28/07/2000	080 300 017 672	Dược sĩ (hạng III)	
152	Đỗ Phạm Tuyết Ngoan	C02	C02.16	15 giờ 45 phút	17/11/1999	080 199 004 770	Dược sĩ (hạng III)	
153	Nguyễn Như Ngọc Nhân	C02	C02.17	15 giờ 45 phút	18/03/1994	079 194 006 124	Dược sĩ (hạng III)	
154	Nguyễn Thị Loan Như	C02	C02.18	15 giờ 45 phút	20/04/1996	080 196 009 833	Dược sĩ (hạng III)	
155	Phạm Thị Xuân Nở	C02	C02.19	15 giờ 45 phút	10/12/2000	064 300 011 871	Dược sĩ (hạng III)	
156	Võ Thị Mỹ Oanh	C03	C03.01	12 giờ 30 phút	04/12/1997	052 197 002 060	Dược sĩ (hạng III)	
157	Trần Thị Trúc Phương	C03	C03.02	12 giờ 30 phút	07/05/1994	271 194 000 003	Dược sĩ (hạng III)	
158	Nguyễn Ngọc Quốc	C03	C03.03	12 giờ 30 phút	28/12/1987	080 087 001 585	Dược sĩ (hạng III)	
159	Dương Thị Thanh Sương	C03	C03.04	12 giờ 30 phút	16/09/1999	049 199 011 826	Dược sĩ (hạng III)	
160	Nguyễn Hồng Tân	C03	C03.05	12 giờ 30 phút	01/12/1997	079 097 017 103	Dược sĩ (hạng III)	
161	Đào Thị Hoàng Thu	C03	C03.06	13 giờ 45 phút	30/03/1987	064 187 000 272	Dược sĩ (hạng III)	
162	Huỳnh Võ Ngọc Thùy	C03	C03.07	13 giờ 45 phút	07/08/2002	079 302 018 773	Dược sĩ (hạng III)	
163	Nguyễn Phượng Tiên	C03	C03.08	13 giờ 45 phút	29/04/2002	079 302 007 795	Dược sĩ (hạng III)	
164	Đoàn Kim Trâm	C03	C03.09	13 giờ 45 phút	10/12/1993	075 193 009 042	Dược sĩ (hạng III)	

Stt	Họ và tên	BÀN VẤN ĐÁP	Số phiếu báo danh	Thời gian triệu tập	Ngày, tháng, năm sinh	Căn cước công dân	Chức danh nghề nghiệp Mã CDNN	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
165	Vũ Ngọc Huyền Trân	C03	C03.10	13 giờ 45 phút	31/01/2001	072 301 001 214	Dược sĩ (hạng III)	
166	Dương Ngọc Phương Trinh	C03	C03.11	14 giờ 45 phút	28/11/1996	079 196 024 282	Dược sĩ (hạng III)	
167	Lê Thị Ngọc Tú	C03	C03.12	14 giờ 45 phút	21/06/1999	054 199 003 951	Dược sĩ (hạng III)	
168	Hồ Thanh Tuyền	C03	C03.13	14 giờ 45 phút	17/03/1994	079 194 014 720	Dược sĩ (hạng III)	
169	Ngô Ý Vy	C03	C03.14	14 giờ 45 phút	14/12/2000	079 300 003 864	Dược sĩ (hạng III)	
170	Đào Ngọc Hoàng Yến	C03	C03.15	14 giờ 45 phút	10/10/1997	080 197 004 847	Dược sĩ (hạng III)	
171	Vưu Huỳnh Bảo Luận	C03	C03.16	15 giờ 45 phút	19/03/1996	079 096 028 640	Dược sĩ (hạng III)	
172	Nguyễn Thị Thanh Thảo	C03	C03.17	15 giờ 45 phút	09/11/1995	079 195 010 156	Dược sĩ (hạng III)	
173	Huỳnh Xuân Trúc	C03	C03.18	15 giờ 45 phút	26/08/1996	083 196 000 107	Dược sĩ (hạng III)	
174	Phan Thị Thùy Dung	C04	C04.01	12 giờ 30 phút	08/09/2000	070 300 002 699	Kỹ thuật Y hạng III	
175	Phạm Huỳnh Minh Duy	C04	C04.02	12 giờ 30 phút	04/08/1990	082 090 016 826	Kỹ thuật y hạng III	
176	Trần Tấn Minh Hoàng	C04	C04.03	12 giờ 30 phút	15/01/1992	089 092 000 022	Kỹ thuật Y hạng III	
177	Lê Thị Huệ	C04	C04.04	12 giờ 30 phút	21/06/2001	030 301 015 563	Kỹ thuật y hạng III	
178	Đoàn Đỗ Trọng Hùng	C04	C04.05	12 giờ 30 phút	28/02/2000	008 200 000 043	Kỹ thuật y hạng III	



Stt	Họ và tên	BÀN VÁN ĐÁP	Số phiếu báo danh	Thời gian triệu tập	Ngày, tháng, năm sinh	Căn cước công dân	Chức danh nghề nghiệp Mã CDNN	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
179	Nguyễn Phương Huỳnh	C04	C04.06	13 giờ 45 phút	07/06/2002	082 302 011 249	Kỹ thuật y hạng III	
180	Nguyễn Thị Thúy Lợi	C04	C04.07	13 giờ 45 phút	29/03/1994	087 194 017 055	Kỹ thuật y hạng III	
181	Phạm Thị Diễm My	C04	C04.08	13 giờ 45 phút	03/06/2000	082 300 008 915	Kỹ thuật y hạng III	
182	Nguyễn Bùi Kim Ngân	C04	C04.09	13 giờ 45 phút	03/11/2001	060 301 002 374	Kỹ thuật y hạng III	
183	Nguyễn Thị Kim Ngân	C04	C04.10	13 giờ 45 phút	13/09/2000	079 300 032 916	Kỹ thuật y hạng III	
184	Nguyễn Bích Ngọc	C04	C04.11	14 giờ 45 phút	01/06/1995	080 195 007 431	Kỹ thuật y hạng III	
185	Phạm Hải Yên Như	C04	C04.12	14 giờ 45 phút	12/03/2002	080 302 000 757	Kỹ thuật y hạng III	
186	Nguyễn Lê Tấn Phát	C04	C04.13	14 giờ 45 phút	04/01/2001	079 201 002 696	Kỹ thuật y hạng III	
187	Trần Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	C04	C04.14	14 giờ 45 phút	02/04/2002	052 302 000 225	Kỹ thuật y hạng III	
188	Nguyễn Thị Bé Sáu	C04	C04.15	14 giờ 45 phút	01/01/1993	084 193 005 529	Kỹ thuật y hạng III	
189	Nguyễn Ngọc Hạnh Thảo	C04	C04.16	15 giờ 45 phút	23/12/1988	093 188 002 355	Kỹ thuật y hạng III	
190	Lê Ngọc Mai Thi	C04	C04.17	15 giờ 45 phút	17/12/2002	079 302 020 297	Kỹ thuật y hạng III	
191	Bùi Thị Bé Thùy	C04	C04.18	15 giờ 45 phút	15/04/2000	091 300 017 152	Kỹ thuật y hạng III	
192	Huỳnh Ngọc Trang	C04	C04.19	15 giờ 45 phút	26/10/1999	079 199 015 984	Kỹ thuật y hạng III	

Stt	Họ và tên	BÀN VẤN ĐÁP	Số phiếu báo danh	Thời gian triệu tập	Ngày, tháng, năm sinh	Căn cước công dân	Chức danh nghề nghiệp Mã CDNN	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
193	Võ Thị Thùy Trang	C04	C04.20	15 giờ 45 phút	09/08/2002	087 302 014 604	Kỹ thuật y hạng III	
194	Phan Nguyễn Mỹ Trang	C04	C04.21	15 giờ 45 phút	10/05/1990	083 190 000 648	Kỹ thuật Y hạng III	
195	Lê Thành Trọng	C04	C04.22	15 giờ 45 phút	24/08/1996	082 096 007 102	Kỹ thuật Y hạng III	
196	Phạm Quốc Việt	C04	C04.23	15 giờ 45 phút	01/11/1990	030 090 010 293	Kỹ thuật Y hạng III	
197	Âu Tố Vy	C04	C04.24	15 giờ 45 phút	23/01/2002	079 302 028 697	Kỹ thuật y hạng III	
198	Nguyễn Lê Tường Vy	C04	C04.25	15 giờ 45 phút	20/09/1998	079 198 007 965	Kỹ thuật y hạng III	
199	Nguyễn Phi Anh	C05	C05.01	12 giờ 30 phút	20/01/1999	079 199 016 480	Bác sĩ (hạng III)	
200	Nguyễn Phan Huỳnh Bảo	C05	C05.02	12 giờ 30 phút	04/04/1995	084 095 005 812	Bác sĩ (hạng III)	
201	Hoàng Văn Chiến	C05	C05.03	12 giờ 30 phút	11/11/1991	040 091 034 647	Bác sĩ (hạng III)	
202	Bùi Thị Mỹ Linh	C05	C05.04	12 giờ 30 phút	26/10/1993	070 193 002 247	Bác sĩ (hạng III)	
203	Lê Thị Thanh Nhung	C05	C05.05	12 giờ 30 phút	03/05/1993	049 193 021 332	Bác sĩ (hạng III)	
204	Doãn Thành Trung	C05	C05.06	13 giờ 45 phút	24/02/1993	079 093 008 278	Bác sĩ (hạng III)	
205	Hứa Lan Uyên	C05	C05.07	13 giờ 45 phút	17/02/1996	079 196 011 194	Bác sĩ (hạng III)	
206	Lê Thị Mận	C05	C05.08	13 giờ 45 phút	10/10/2002	087 302 001 330	Dinh dưỡng hạng III	



Stt	Họ và tên	BẢN VẤN ĐÁP	Số phiếu báo danh	Thời gian triệu tập	Ngày, tháng, năm sinh	Căn cước công dân	Chức danh nghề nghiệp Mã CDNN	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
207	Đinh Thị Thu Sương	C05	C05.09	13 giờ 45 phút	10/02/2000	052 300 008 962	Dinh dưỡng hạng III	
208	Đào Minh Trang	C05	C05.10	13 giờ 45 phút	05/01/1998	079 198 019 485	Dinh dưỡng hạng III	
209	Nguyễn Thanh Hoàng	C06	C06.01	12 giờ 30 phút	09/08/1990	051 090 009 732	Kỹ sư (hạng III)	
210	Nguyễn Đức Nguyên	C06	C06.02	12 giờ 30 phút	11/09/2002	079 202 021 288	Kỹ sư (hạng III)	
211	Lê Tấn Phúc	C06	C06.03	12 giờ 30 phút	17/02/1996	079 096 016 171	Kỹ sư (hạng III)	
212	Nguyễn Trọng Tường	C06	C06.04	12 giờ 30 phút	01/11/1987	082 087 015 180	Kỹ sư (hạng III)	
213	Phạm Thị Ánh Tuyết	C06	C06.05	12 giờ 30 phút	22/12/1996	079 196 033 605	Kỹ sư (hạng III)	
214	Võ Anh Văn	C06	C06.06	13 giờ 45 phút	18/12/1982	079 082 002 337	Kỹ sư (hạng III)	
215	Lê Hữu Thọ	C06	C06.07	13 giờ 45 phút	23/10/1989	079 089 016 336	Kỹ sư (hạng III)	
216	Triệu Lê Gia Hân	C06	C06.08	13 giờ 45 phút	02/12/2003	079 303 010 566	Kế toán viên (hạng III)	
217	Phạm Thị Thu Hòa	C06	C06.09	13 giờ 45 phút	25/07/1988	079 188 006 156	Kế toán viên (hạng III)	
218	Trần Phan Liên Khuê	C06	C06.10	13 giờ 45 phút	09/12/1999	079 199 032 522	Kế toán viên (hạng III)	
219	Nguyễn Thị Hoàng Linh	C06	C06.11	14 giờ 45 phút	14/12/1990	052 190 000 673	Kế toán viên (hạng III)	
220	Trần Thị Kiều Linh	C06	C06.12	14 giờ 45 phút	23/09/1993	083 193 005 390	Kế toán viên (hạng III)	

Stt	Họ và tên	BẢN VẤN ĐÁP	Số phiếu báo danh	Thời gian triệu tập	Ngày, tháng, năm sinh	Căn cước công dân	Chức danh nghề nghiệp Mã CDNN	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
221	Lương Thị Hồng Quyên	C06	C06.13	14 giờ 45 phút	24/05/1991	080 191 006 933	Kế toán viên (hạng III)	
222	Trần Thanh Thúy	C06	C06.14	14 giờ 45 phút	12/03/2004	079 304 014 510	Kế toán viên (hạng III)	
223	Nguyễn Thị Bích Trâm	C06	C06.15	14 giờ 45 phút	10/08/2000	089 300 000 293	Kế toán viên (hạng III)	
224	Trương Nguyễn Việt Trinh	C06	C06.16	15 giờ 45 phút	14/06/1992	080 192 013 761	Kế toán viên (hạng III)	
225	Bùi Thanh Tuấn	C06	C06.17	15 giờ 45 phút	02/03/2001	079 201 003 455	Kế toán viên (hạng III)	
226	Nguyễn Thị Mỹ Vy	C06	C06.18	15 giờ 45 phút	06/03/2002	052 302 005 718	Kế toán viên (hạng III)	
227	Nguyễn Lê Hoàng Vy	C06	C06.19	15 giờ 45 phút	25/01/2002	054 302 007 558	Kế toán viên (hạng III)	
228	Nguyễn Thị Thùy Dung	C06	C06.20	15 giờ 45 phút	04/05/1989	079 189 000 416	Kế toán viên trung cấp (hạng IV)	
229	Võ Thị Hồng Nguyệt	C06	C06.21	15 giờ 45 phút	25/10/1994	079 194 013 509	Kế toán viên trung cấp (hạng IV)	

HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG

CHỦ TỊCH



PHÓ GIÁM ĐỐC

Hồng Công Danh

